

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIWASEEN 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 27
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viwaseen 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tiền thân là Xí nghiệp Khoan khai thác Nước ngầm trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam - VIWASEEN được thành lập theo Quyết định số 1732/QĐ-BXD ngày 13/12/2006 của Bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 14+500, quốc lộ 1A, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Bằng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 30/12/2016)
Ông Nguyễn Hữu Hành	Ủy viên	(Phụ trách Hội đồng Quản trị từ ngày 30/12/2016)
Ông Nguyễn Lâm	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 15/04/2016)
Ông Hà Quốc Chương	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 13/01/2016)
Ông Đỗ Xuân Bốn	Ủy viên	
Ông Đặng Hữu Tuấn	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Hành	Giám đốc
Ông Lưu Xuân Quang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Đặng Hữu Tuấn	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Khánh Linh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hải Đăng	Thành viên
Ông Bùi Việt Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Viwaseen 3

Km 14+500, quốc lộ 1A, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

TM: Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Hữu Hành

Số: 947/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viwaseen 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viwaseen 3 được lập ngày 25 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phó Tổng Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		213.732.483.017	266.870.381.949
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.347.552.797	28.676.210.861
111 1. Tiền		7.347.552.797	28.676.210.861
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		163.452.326.039	89.526.879.406
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	159.157.695.906	81.741.335.134
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.790.000.000	5.484.170.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.504.630.133	2.301.374.272
140 IV. Hàng tồn kho	7	42.932.604.181	144.984.400.585
141 1. Hàng tồn kho		42.932.604.181	144.984.400.585
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		-	3.682.891.097
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	3.682.891.097
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.452.006.312	1.788.954.200
220 II. Tài sản cố định		1.297.864.277	1.788.954.200
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.297.864.277	1.788.954.200
222 - Nguyên giá		13.826.626.556	13.826.626.556
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(12.528.762.279)	(12.037.672.356)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		1.154.142.035	-
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.154.142.035	-
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		216.184.489.329	268.659.336.149

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		171.817.541.953	225.920.959.392
310 I. Nợ ngắn hạn		171.817.541.953	225.920.959.392
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	75.984.336.155	100.875.063.910
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	20.303.913.318	14.451.175.933
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.113.422.530	1.395.319.675
314 4. Phải trả người lao động		-	350.000.000
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	418.100.000	1.272.140.767
319 6. Phải trả ngắn hạn khác		48.638.080	100.556.000
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	68.756.853.028	107.016.541.357
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		192.278.842	460.161.750
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		44.366.947.376	42.738.376.757
410 I. Vốn chủ sở hữu	15	44.366.947.376	42.738.376.757
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	20.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.000.000.000	20.000.000.000
414 2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.197.381.818	1.197.381.818
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		17.218.438.847	14.193.455.768
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.951.126.711	7.347.539.171
421b - LNST chưa phân phối năm nay		5.951.126.711	7.347.539.171
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		216.184.489.329	268.659.336.149

Người lập biểu

Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Đỗ Xuân Bốn

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017

Giám đốc



Nguyễn Hữu Hành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	321.533.759.063	287.276.747.096
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	651.944.179
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		321.533.759.063	286.624.802.917
11	4. Giá vốn hàng bán	18	298.027.718.817	263.896.502.813
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.506.040.246	22.728.300.104
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		79.336.840	238.878.917
22	7. Chi phí tài chính		6.282.952.724	4.839.747.543
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.282.952.724	4.839.747.543
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	9.493.226.662	8.543.254.533
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.809.197.700	9.584.176.945
31	10. Thu nhập khác	20	2.857.343.609	3.335.000
32	11. Chi phí khác	21	2.984.403.962	302.442.560
40	12. Lợi nhuận khác		(127.060.353)	(299.107.560)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.682.137.347	9.285.069.385
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.731.010.636	1.937.530.214
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.951.126.711</u>	<u>7.347.539.171</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.976	3.674

Người lập biểu



Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Bôn

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Hữu Hành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		281.585.701.112	410.776.043.013
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(209.857.085.343)	(434.150.061.117)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.457.539.326)	(6.896.923.700)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.282.952.724)	(4.839.747.543)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.780.919.242)	(1.351.777.131)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.816.849.257	396.847.412
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.202.360.309)	(5.529.111.643)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		19.821.693.425	(41.594.730.709)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.197.381.818)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.336.840	238.878.917
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		79.336.840	(958.502.901)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay	26	99.884.701.457	183.301.680.137
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	26	(138.144.389.786)	(121.707.872.126)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.970.000.000)	(2.800.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(41.229.688.329)	58.793.808.011
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(21.328.658.064)	16.240.574.401
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.676.210.861	12.435.636.460
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	7.347.552.797	28.676.210.861

Người lập biểu



Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Bốn

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Hữu Hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viwaseen 3 tiền thân là Xi nghiệp Khoan khai thác Nước ngầm trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam - VIWASEEN được thành lập theo Quyết định số 1732/QĐ-BXD ngày 13/12/2006 của Bộ Xây dựng, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/05/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 14+500, quốc lộ 1A, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND (tương đương 2.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình năng lượng, công trình kỹ thuật hạ tầng khác.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

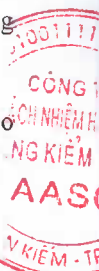
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 05 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 06 năm |



2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu) để phục vụ cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây lắp

Hợp đồng xây lắp quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	17.198.000	67.763.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.330.354.797	28.608.447.861
	<u>7.347.552.797</u>	<u>28.676.210.861</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng Hanshin	94.454.371.518	29.462.446.804
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	16.666.708.248	16.709.031.848
Các khoản phải thu khách hàng khác	48.036.616.140	35.569.856.482
	159.157.695.906	81.741.335.134
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	16.666.708.248	16.709.031.848
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)		

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Quốc tế Sao Việt	1.790.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại	-	-	556.875.000	-
Vật liệu Điện Nam Hà Nội	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và	-	-	2.000.000.000	-
Tư vấn Xây dựng Thành Trung	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng	-	-	581.898.000	-
Công trình Hải Vân	-	-	-	-
Công ty CP Cơ điện Minh Khang	-	-	1.800.000.000	-
Đối tượng khác	-	-	545.397.000	-
	1.790.000.000	-	5.484.170.000	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	2.012.770.000	-	682.145.500	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	402.711.696	-	1.524.799.772	-
Phải thu khác	89.148.437	-	94.429.000	-
	2.504.630.133	-	2.301.374.272	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.060.006.781	-	596.265.451	-
Công cụ, dụng cụ	139.909.705	-	174.627.235	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.732.687.695	-	144.213.507.899	-
	42.932.604.181	-	144.984.400.585	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.082.712.000	10.920.556.920	1.662.332.182	161.025.454	13.826.626.556
Số dư cuối năm	<u>1.082.712.000</u>	<u>10.920.556.920</u>	<u>1.662.332.182</u>	<u>161.025.454</u>	<u>13.826.626.556</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	899.667.435	9.823.803.991	1.174.286.587	139.914.343	12.037.672.356
- Khấu hao trong năm	18.180.225	267.052.122	190.024.243	15.833.333	491.089.923
Số dư cuối năm	<u>917.847.660</u>	<u>10.090.856.113</u>	<u>1.364.310.830</u>	<u>155.747.676</u>	<u>12.528.762.279</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	183.044.565	1.096.752.929	488.045.595	21.111.111	1.788.954.200
Tại ngày cuối năm	<u>164.864.340</u>	<u>829.700.807</u>	<u>298.021.352</u>	<u>5.277.778</u>	<u>1.297.864.277</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 298.021.352 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 10.839.437.009 VND.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.154.142.035	-
	1.154.142.035	-

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Thiết bị Đông Đô	8.411.170.545	8.411.170.545	20.694.360.480	20.694.360.480
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	67.573.165.610	67.573.165.610	80.180.703.430	80.180.703.430
	75.984.336.155	75.984.336.155	100.875.063.910	100.875.063.910

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn Tây	4.297.740.800	10.318.609.000
Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội	2.538.219.600	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nước sạch Nam Định	2.743.392.600	-
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty cổ phần	6.408.293.518	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước TP Ninh Bình	3.168.552.000	-
Công ty TNHH Swing water Việt Nam	-	1.845.080.606
Khách hàng khác	1.147.714.800	2.287.486.327
	20.303.913.318	14.451.175.933

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	32.056.480.836	26.333.980.028	-	5.722.500.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.331.128.975	1.731.010.636	2.780.919.242	-	281.220.369
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.190.700	744.375.950	698.865.297	-	109.701.353
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	1.395.319.675	34.534.867.422	29.816.764.567	-	6.113.422.530

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	418.100.000	1.071.787.767
- Công trình Gói 10 Hương Sơn Mỹ Đức	-	584.459.500
- Công trình Gói 5 Ninh Ninh	-	3.500.000
- Công trình Gói 5 Tây Mỗ	-	233.099.267
- Công trình Gói 6 Đông Mác	-	85.621.000
- Công trình Tây Hồ Tây	-	165.108.000
- Công trình Gói 10 Đông Mác	418.100.000	-
Trích trước thù lao HĐQT và BKS	-	200.353.000
Các khoản khác	-	-
	<u>418.100.000</u>	<u>1.272.140.767</u>

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	58.387.105.300	58.387.105.300	67.478.695.876	76.524.531.203	49.341.269.973	49.341.269.973
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì (ii)	48.629.436.057	48.629.436.057	32.406.005.581	61.619.858.583	19.415.583.055	19.415.583.055
	107.016.541.357	107.016.541.357	99.884.701.457	138.144.389.786	68.756.853.028	68.756.853.028

(i): Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng cấp tín dụng số 15146/HM/HĐTD.DAH ngày 10/08/2015. Tổng hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 VND, trong đó, hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 40.000.000.000 VND. Thời hạn rút vốn của hạn mức cấp tín dụng tối đa không quá 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 10 tháng. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2016 là 30.792.561.511 VND.

Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng cấp tín dụng số 16208/HĐTD.DAH ngày 19/08/2016. Tổng hạn mức cấp tín dụng là 180.000.000.000 VND, trong đó, hạn mức cho vay là 70.000.000.000 VND. Thời hạn rút vốn của hạn mức cấp tín dụng tối đa không quá 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 10 tháng. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2016 là 18.548.708.462 VND.

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh được bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba là các cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc với tổng giá trị định giá là 18.485.000.000 VND và tài sản của Công ty là xe Toyota Fortuner với giá trị định giá là 773.000.000 VND.

(ii): Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 3180LAV2015.00921 ngày 25/05/2015. Tổng mức cấp tín dụng là 90.000.000.000 VND, trong đó, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 45.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 10 tháng. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2016 là 985.000.000 VND. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 318LAV201601171 ngày 06/06/2016. Tổng mức cấp tín dụng là 90.000.000.000 VND, trong đó, hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 40.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ, tối đa không quá 10 tháng. Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2016 là 18.430.583.055 VND. Công ty Cổ phần Viwaseen 3 cam kết nghĩa vụ trả nợ bằng: toàn bộ số dư tiền gửi của Viwaseen 3 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và tại các tổ chức tín dụng khác; các khoản phải thu theo các hợp đồng đã ký kết giữa Viwaseen 3 và các đối tác mà Viwaseen 3 là người thụ hưởng.

Công ty Cổ phần Viwaseen 3

Km 14+500, quốc lộ 1A, Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	13.196.443.205	5.860.684.160	39.057.127.365	
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.347.539.171	7.347.539.171	
Kết chuyển nguồn vốn	-	1.197.381.818	(1.197.381.818)	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.194.394.381	(3.060.684.160)	(866.289.779)	
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)	
Số dư cuối năm trước	20.000.000.000	1.197.381.818	14.193.455.768	7.347.539.171	42.738.376.757	
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.951.126.711	5.951.126.711	
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.024.983.079	(4.347.539.171)	(1.322.556.092)	
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)	
Số dư cuối năm nay	20.000.000.000	1.197.381.818	17.218.438.847	5.951.126.711	44.366.947.376	

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền	VND
	%		
Kết quả kinh doanh sau thuế		7.347.539.171	
Trích quỹ đầu tư phát triển	41,17	3.024.983.079	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13,00	955.180.092	
Trích thưởng cho Ban điều hành Công ty	5,00	367.376.000	
Chi trả cổ tức	40,83	3.000.000.000	

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	10.900.000.000	54,50	10.900.000.000	54,50
Các cổ đông khác	9.100.000.000	45,50	9.100.000.000	45,50
	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000	2.800.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.218.438.847	14.193.455.768
	17.218.438.847	14.193.455.768

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giao thông 525	78.404.205	78.404.205

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp		
- Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong năm	321.533.759.063	287.276.747.096
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây lắp được ghi nhận đến thời điểm lập Báo cáo tài chính	750.960.934.423	636.828.134.172
	321.533.759.063	287.276.747.096
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	219.254.545	-

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	298.027.718.817	263.896.502.813
	298.027.718.817	263.896.502.813

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	617.314.199	516.945.460
Chi phí nhân công	7.561.787.416	6.528.942.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	208.204.468	218.668.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	424.307.311	387.848.374
Chi phí khác bằng tiền	681.613.268	890.850.379
	9.493.226.662	8.543.254.533

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Nhận bảo hiểm công trình	133.920.300	-
Nhận bồi thường Công trình CP2 Vĩnh Yên	2.723.423.309	-
Các khoản khác	-	3.335.000
	2.857.343.609	3.335.000

21 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi bồi thường Công trình CP2 Vĩnh Yên	2.723.432.309	-
Các khoản phạt thuế, truy thu thuế	260.971.653	302.442.560
	2.984.403.962	302.442.560

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.682.137.347	9.285.069.385
Các khoản điều chỉnh tăng	320.971.653	358.095.560
- Tiền phạt chậm nộp thuế	260.971.653	302.442.560
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	60.000.000	55.653.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(45.094.909)	-
- Lợi nhuận đã tính thuế	(45.094.909)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	7.958.014.091	9.643.164.945
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	7.958.014.091	9.584.176.945
- Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	58.988.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.591.602.818	1.929.812.749
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	139.407.818	7.717.465
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.731.010.636	1.937.530.214
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.331.128.975	745.375.892
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.780.919.242)	(1.351.777.131)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	281.220.369	1.331.128.975

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.951.126.711	7.347.539.171
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.951.126.711	7.347.539.171
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.976	3.674

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.061.853.069	299.426.080.001
Chi phí nhân công	33.793.918.872	40.952.319.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.089.923	484.181.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.468.735.822	20.491.364.879
Chi phí khác bằng tiền	1.224.527.589	890.850.379
	197.040.125.275	362.244.796.313

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.347.552.797	-	28.676.210.861	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	161.662.326.039	-	84.042.709.406	-
	169.009.878.836	-	112.718.920.267	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	68.756.853.028	107.016.541.357
Phải trả người bán, phải trả khác	76.032.974.235	100.975.619.910
Chi phí phải trả	418.100.000	1.272.140.767
	145.207.927.263	209.264.302.034

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	7.347.552.797	-	-	7.347.552.797
Phải thu khách hàng, phải thu khác	161.662.326.039	-	-	161.662.326.039
	<u>169.009.878.836</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>169.009.878.836</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và tương đương tiền	28.676.210.861	-	-	28.676.210.861
Phải thu khách hàng, phải thu khác	84.042.709.406	-	-	84.042.709.406
	<u>112.718.920.267</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.718.920.267</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	68.756.853.028	-	-	68.756.853.028
Phải trả người bán, phải trả khác	76.032.974.235	-	-	76.032.974.235
Chi phí phải trả	418.100.000	-	-	418.100.000
	<u>145.207.927.263</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>145.207.927.263</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	107.016.541.357	-	-	107.016.541.357
Phải trả người bán, phải trả khác	100.975.619.910	-	-	100.975.619.910
Chi phí phải trả	1.272.140.767	-	-	1.272.140.767
	<u>209.264.302.034</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>209.264.302.034</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	99.884.701.457	183.301.680.137

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	138.144.389.786	121.707.872.126

27 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản bảo lãnh của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Trì và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh lần lượt là 32.092.159.658 VND và 52.752.333.234 VND. Đây là các khoản bảo lãnh cho Công ty để thực hiện các hợp đồng xây lắp.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh của Công ty là xây dựng các công trình cấp thoát nước và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giảm giá theo giá trị kiểm toán xây dựng cơ bản			
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	153.325.646
Doanh thu xây lắp			
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	219.254.545	-
Cổ tức đã trả			
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	1.635.000.000	1.526.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	16.666.708.248	16.709.031.848

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.319.805.000	2.998.657.000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Đặng Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Đỗ Xuân Bốn

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Hữu Hành

